

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/DS-ST.

Ngày 30-9-2022.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Nguyễn Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mũi K, sinh năm 1989 – Có mặt.

Địa chỉ: Nhà số 86, Hẻm 1, Đường 30/4, thị trấn T B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố G B, phường T B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Mũi K trình bày:

Chị và chị N quen biết nhau thông qua bạn bè giới thiệu. Vào ngày 08-6-2020, chị N hỏi vay của chị số tiền 450.000.000 đồng, mục đích để làm vốn kinh doanh tiệm cầm đồ và mở cửa hàng bán quần áo. Khi vay, chị N tự ghi giấy mượn

tiền và ký tên giao cho tôi giữ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng nhưng trong giấy mượn tiền chỉ ghi 01 tháng. Hai bên thỏa thuận lãi suất theo lãi suất ngân hàng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền nên chị cũng không nhớ rõ lãi suất là bao nhiêu.

Chị cho chị N vay tiền không có thế chấp tài sản gì, nhưng chị N có giao cho chị giữ bản chính một Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-9-2019 giữa chị N và anh Phạm Phương N cùng với bản chính một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Phương N để làm tin, chị N nói Hợp đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của anh N thế chấp cho chị N.

Từ khi vay đến nay, chị N không trả cho chị tiền lãi và tiền nợ gốc như đã thỏa thuận. Nay chị yêu cầu chị N trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chị đồng ý trả lại bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-9-2019 giữa chị N và anh Phạm Phương N cùng với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Phương N khi chị N trả tiền cho chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập chị N đến Tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng chị N không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của chị N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mũi K. Buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho chị K số tiền 450.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định từ ngày 08-6-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc chị Phạm Thị Mũi K có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N bản chính một Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-9-2019 giữa chị N và anh Phạm Phương N công chứng tại Văn phòng công chứng Đông Nam Tây Ninh, số công chứng 2658, quyền số 13/2019/TP/CC-SCC/HĐGD cùng với bản chính một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 293385 mang tên Phạm Phương N.

Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị K trình bày vào ngày 08-6-2020, chị cho chị N vay số tiền 450.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất theo ngân hàng nhưng chị không nhớ rõ lãi suất là bao nhiêu, thời hạn vay là trong vòng 01 tháng. Chứng cứ chị K cung cấp là Giấy mượn tiền đề ngày 08-6-2020 do chị N viết và ký tên. Từ khi vay đến nay, chị N không trả tiền lãi suất cũng không trả tiền nợ gốc cho chị K như thỏa thuận và chị K cũng không liên lạc được với chị N. Nay chị K khởi kiện yêu cầu chị N trả 450.000.000 đồng tiền nợ gốc và tính lãi suất theo mức lãi suất do pháp luật quy định từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do chị N không đến Tòa trình bày ý kiến và yêu cầu của mình nên Tòa án đã trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định chữ viết, chữ ký trong Giấy mượn tiền đề ngày 08-6-2020 có phải do chị N viết và ký hay không. Tại Kết luận giám định số 3450/KL-KTHS, ngày 21-6-2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N trong Giấy mượn tiền đề ngày 08-6-2020 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Như vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K về việc yêu cầu chị N trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Chị K trình bày chị và chị N có thỏa thuận lãi suất nhưng không nhớ rõ lãi suất là bao nhiêu và cũng không ghi vào trong giấy mượn tiền. Từ khi vay đến nay chị N không trả cho chị khoản tiền lãi nào nên chị K yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Yêu cầu của chị K là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định từ ngày 08-6-2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là:

450.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 03 tháng 22 ngày = 103.944.000 đồng.

Như phân tích trên, có căn cứ buộc chị N trả cho chị K số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 553.944.000 đồng.

[4] Chị K thừa nhận khi cho vay chị N có giao cho chị giữ bản chính một Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-9-2019 giữa chị N và anh Phạm Phương N công chứng tại Văn phòng công chứng Đông Nam Tây Ninh, số công chứng 2658, quyển số 13/2019/TP/CC-SCC/HĐGD cùng với bản chính một giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 293385 mang tên Phạm Phương N để làm tin. Nên có căn cứ buộc chị K trả lại cho chị N bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

[5] Như phân tích trên có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ viết, chữ ký số tiền 3.300.000 đồng, chị K đã tạm ứng toàn bộ chi phí này. Do yêu cầu giám định của chị K là có căn cứ nên buộc chị N có trách nhiệm trả lại cho chị K toàn bộ chi phí này là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[7] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 161, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mũi K đối với chị Nguyễn Thị N.

Buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Mũi K số tiền 553.944.000 (Năm trăm năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chị Phạm Thị Mũi K có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị N bản chính một Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-9-2019 giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Phương N, công chứng tại Văn phòng công chứng Đông Nam Tây Ninh, số công chứng 2658, quyển số 13/2019/TP/CC-SCC/HĐGD và bản chính một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 293385 mang tên Phạm Phương N.

3. Về chi phí giám định: Buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Mũi K chi phí giám định chữ viết, chữ ký số tiền 3.300.000 (Ba triệu ba trăm nghìn) đồng.

4. Án phí:

Chị Phạm Thị Mũi K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Mũi K 9.646.000 (Chín triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0015120 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.158.000 (Hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

5. Báo cho chị K biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc